

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 02 năm 2021

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Hữu Soái**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Nhất** – Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2020/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T1, sinh năm 1981.

Trú tại: số 45 P, TDP 4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ.

Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1977.

Trú tại: số 45 P, TDP 4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản lấy lời khai chị Hà Thị T1 trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh Hoàng Văn T2 vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/6/2004 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng một năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh T2, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục, vợ chồng đã sống ly thân với nhau được 01 năm, nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn T2.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Hoàng Văn D sinh ngày 23/9/1999 và cháu Hoàng Tình N sinh ngày 24/02/2001. Khi ly hôn, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Hà Thị T1, bị đơn anh Hoàng Văn T2 là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 BLTTDS, cho chị Hà Thị T1 ly hôn anh Hoàng Văn T2.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và trên 18 tuổi, các cháu phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn T2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Hà Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T1 và anh Hoàng Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký ngày 17/6/2004 tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đ, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng chị Thảo, anh T2 thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là cháu Hoàng Văn D sinh ngày 23/9/1999 và cháu Hoàng Tình N sinh ngày 24/02/2001.

Hiện các con chung cháu D và cháu N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T1, chị Hà Thị T1 được ly hôn anh Hoàng Văn T2.

[2] Về con chung:

Các con chung Hoàng Văn D sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Tình N sinh ngày 24/02/2001 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

[3] **Về án phí:** Chị Hà Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số: 0014733 ngày 14 tháng 10 năm 2020.

Anh Hoàng Văn T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hữu Soái